

Cà Mau, ngày 15 tháng 7 năm 2026

BÁO CÁO (TÓM TẮT) TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

Căn cứ Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2026 phát hành ngày 14/7/2026;

Công ty cổ phần Môi trường đô thị Cà Mau Báo cáo (Tóm tắt) tài chính 6 tháng đầu năm 2026 như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

Diễn giải	Số cuối kỳ	Số đầu năm
I. TÀI SẢN		
A. Tài sản ngắn hạn	21.375.033.750	24.473.841.996
- Tiền và các khoản tương đương tiền	6.518.251.411	9.477.720.757
- Các khoản phải thu ngắn hạn	9.914.347.928	9.513.905.996
- Hàng tồn kho	4.245.256.708	5.371.654.042
- Tài sản ngắn hạn khác	697.177.703	110.561.201
B. Tài sản dài hạn	7.748.128.580	5.724.759.747
- Các khoản phải thu dài hạn	3.678.609.615	1.764.272.296
- Tài sản cố định	4.069.518.965	2.717.608.748
- Tài sản dở dang dài hạn		1.242.878.703
- Tài sản dài hạn khác		
Tổng cộng tài sản	29.123.162.330	30.198.601.743
II. NGUỒN VỐN		
A. Nợ phải trả	13.151.120.765	17.091.601.743
- Nợ ngắn hạn	13.151.120.765	17.091.601.743
- Nợ dài hạn		

B. Vốn chủ sở hữu	15.972.041.565	13.107.000.000
- Vốn góp chủ sở hữu	13.107.000.000	13.107.000.000
- Lợi nhuận chưa phân phối	2.865.041.565	
Tổng cộng nguồn vốn	29.123.162.330	30.198.601.743
C. Vốn điều lệ	13.107.000.000	13.107.000.000
- Vốn Nhà nước	12.041.000.000	12.043.000.000
- Vốn cổ đông ngoài	1.066.000.000	1.064.000.000
III. KẾT QUẢ KINH DOANH	Số cuối kỳ	Số năm trước
A. Doanh thu	25.485.301.089	29.173.485.871
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.454.430.981	29.158.691.601
- Doanh thu hoạt động tài chính	14.296.035	11.986.800
- Thu nhập khác	16.574.073	2.807.470
B. Chi phí	22.032.847.180	20.496.663.347
- Giá vốn hàng bán	15.996.800.727	15.581.402.599
- Chi phí bán hàng	1.009.127.216	749.653.966
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.016.006.417	4.165.606.782
- Chi phí khác	10.912.820	-
C. Lợi nhuận trước thuế	3.452.453.909	8.676.822.524
D. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	587.412.344	1.735.364.505
E. Lợi nhuận sau thuế	2.865.041.565	6.941.458.019
IV. CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CƠ BẢN	Số cuối kỳ	Số năm trước
A. Cơ cấu tài sản (lần)		
- Tài sản cố định / Tổng tài sản	0,14	0,09
- Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	0,73	0,81

B. Cơ cấu nguồn vốn (lần)		
- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	0,45	0,57
- Vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	0,55	0,43
C. Chỉ số thanh toán (lần)		
- Tổng tài sản / Tổng nợ (nợ phải trả)	2,21	1,77
- Tài sản ngắn hạn / Nợ ngắn hạn	1,63	1,43
D. Tỷ suất lợi nhuận (%)		
- LN trước thuế / Doanh thu (Tổng doanh thu)	13,55%	29,74%
- LN sau thuế / Doanh thu (Tổng doanh thu)	11,24%	23,79%
- Lợi nhuận trước thuế / Tổng tài sản	11,85%	28,73%
- Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	9,84%	22,99%
- Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	17,94%	52,96%
E. Cổ tức		
- Cổ tức được chia		
- Cổ tức / Vốn điều lệ (%)		-

Nơi nhận:

- HĐQT, BDH;
- Lưu VT. CBTT.

Người đại diện theo pháp luật

Dương Thành Nghĩa